

TÒA GIÁM MỤC XUÂN LỘC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG HÒA BÌNH XUÂN LỘC

Địa chỉ: Khu phố Lộ Đức, Phường Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0251 3980 789

E-mail: hbxl-college@hbxic.edu.vn

Website: <https://hbxic.edu.vn>

BÁO CÁO
TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NĂM 2025

Đồng Nai, tháng 12 năm 2025

CÁC TỪ VIẾT TẮT

VIẾT TẮT	VIẾT ĐẦY ĐỦ
TC	Trung cấp
TP	Thành phố
ĐT	Đào tạo
GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
CĐ	Cao đẳng
UBND	Ủy ban Nhân dân
HĐQT	Hội đồng quản trị
BGH	Ban Giám hiệu
QĐ	Quyết định
THPT	Trung học phổ thông
THCS	Trung học cơ sở
NCKH	Nghiên cứu khoa học
CNTT	Công nghệ thông tin
TDTT	Thể dục thể thao
HSSV	Học sinh, sinh viên
KĐCL	Kiểm định chất lượng
BĐCL	Bảo đảm chất lượng
CBGV	Cán bộ giảng viên, giáo viên

TÒA GIÁM MỤC XUÂN LỘC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
HÒA BÌNH XUÂN LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16/2025/BC-CDHBXL

Đồng Nai, ngày 29 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NĂM 2025

PHẦN I

GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1. Tên trường (theo quyết định thành lập):

Tiếng Việt: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG HÒA BÌNH XUÂN LỘC**

Tiếng Anh: Hoa Binh Xuan Loc College

2. Tên viết tắt của trường: Không

3. Tên trước đây: TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ HÒA BÌNH

4. Cơ quan chủ quản: TÒA GIÁM MỤC XUÂN LỘC

5. Địa chỉ chính: Khu phố Lộ Đức, Phường Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai. (Địa chỉ cũ: Ấp Lộ Đức – xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai)

6. Thông tin liên hệ:

Điện thoại: 02513.980789

Fax: 02513.980789

E-mail: hbxl-college@hbxic.edu.vn

Website: <https://hbxic.edu.vn/>

7. Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập):

- Năm thành lập đầu tiên: 2008 (theo quyết định số 1800/QĐ – LĐTBXH ngày 09/06/2008 của Sở Lao động Thương Binh và Xã Hội Đồng Nai)

- Năm thành lập Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc (theo Quyết định số 1156/QĐ – LĐTBXH ngày 19/07/2017 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã Hội)

8. Thời gian bắt đầu đào tạo Trung cấp khóa I:

- Trình độ trung cấp: năm 2012

- Trình độ cao đẳng: năm 2017

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I:

- Trình độ trung cấp: năm 2014

- Trình độ Cao đẳng: năm 2020

10. Loại hình trường đào tạo:

- Tư thực

II. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

*** Thông tin khái quát về lịch sử phát triển**

Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc được thành lập căn cứ vào Quyết định số 1156/2017/QĐ – BLĐT BXH ngày 19/07/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc cho phép thành lập Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc (*Tiền thân là Trường Trung Cấp nghề Hòa Bình, được thành lập theo Quyết định số 1800/QĐ – LĐTBXH ngày 09/06/2008 của Sở Lao động Thương Binh và Xã Hội Đồng Nai*).

Trường có trụ sở chính tại số Khu phố Lộ Đức, Phường Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai (*Địa chỉ cũ: Ấp Lộ Đức – xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai*) với nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực các nghề khối kỹ thuật và dịch vụ có trình Trung cấp và trình độ Cao đẳng.

Từ khi thành lập và đi vào hoạt động (*năm 2012*) đến năm nay Trường tập trung thực hiện đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật trình độ trung cấp và trình độ Cao đẳng tại cơ sở duy nhất có địa chỉ: Khu phố Lộ Đức, Phường Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai.

Sứ mạng của Trường “*Đào tạo những công nhân và kỹ sư thực hành có đạo đức, kiến thức và công nghệ cao để đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh Đồng Nai và khu vực, tiến tới cuộc cách mạng công nghệ 4.0*”; trên 03 giá trị cốt lõi: *Đạo đức, Kiến thức, Công nghệ tạo nên “Thăng tiến con người toàn diện”*.

Trong quá trình hình thành và phát triển, bằng sự tập trung, quan tâm của Hội đồng quản trị, của Ban giám hiệu và tập thể cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên nhà trường, Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc đã từng bước đi vào ổn định và không ngừng phát triển cả về quy mô, chất lượng đào tạo; Uy tín, vị thế của trường đối với địa phương, khu vực Đồng Nai và lân cận ngày càng được nâng cao.

*** Thành tích của trường**

Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc đã hoàn thiện được cơ cấu bộ máy tổ chức với 06 phòng ban và 09 khoa chuyên môn, 01 khoa giảng dạy Văn hóa THPT (hệ GDTX) và 01 trung tâm để duy trì và phát huy hiệu quả hoạt động của Nhà trường theo hướng nâng cao tính phục vụ. Bên cạnh đó, Trường cũng đã chú trọng đến công tác xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, Nhà giáo đủ về số lượng, mạnh về chất lượng để đáp ứng nhu cầu giảng dạy, quản lý và phục vụ.

Hơn 13 năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo, Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc đã cung cấp cho xã hội gần 9.000 học viên tốt nghiệp trung cấp, các ngành kỹ thuật, công nghệ thông tin, dịch vụ, ... có chuyên môn vững, có đạo đức nghề nghiệp, đã và đang làm việc trên mọi

miền đất nước. Trường đã trở thành đơn vị đào tạo có uy tín đối với xã hội, trường đã được Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cho phép nâng cấp lên thành trường Cao đẳng vào tháng 7 năm 2017. Trong quá trình hình thành và phát triển trường đã nhận được nhiều giấy khen, bằng khen của đơn vị quản lý cấp trên cũng như các cấp chính quyền, đoàn thể tại địa phương; các tổ chức đoàn thể công tác/thuộc Nhà trường hàng năm đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong đó nhiều năm được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Công tác thiện nguyện xã hội được địa phương và bà con khu vực trường tọa lạc đánh giá cao.

Năm 2017 đánh dấu bước thay đổi mạnh mẽ của Nhà trường, một trong những thành quả đáng khích lệ của Trường là trường đã được sự đánh giá, ghi nhận, tin tưởng của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội bằng sự cho phép trường được nâng cấp từ trường Trung cấp nghề Hòa Bình lên thành Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc.

Trải qua nhiều khó khăn là trường tư thục, là trường tự chủ về tài chính, nguồn lực hạn chế cùng với thực trạng cạnh tranh tuyển sinh hết sức gay gắt hiện nay, song song với sự mạng và mục tiêu giúp đối tượng người học thuộc nhóm yếu thế có thể học tập và phát triển năng lực cá nhân, có kiến thức, kỹ năng nghề, có công ăn việc làm nên trong những thời điểm khó khăn nhất nhà trường vẫn lấy sự uy tín về chất lượng đào tạo lên hàng đầu. Vì thế, số lượng sinh viên – học sinh tham gia học tập tại trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc vẫn không ngừng phát triển mạnh mẽ cả về quy mô và chất lượng đào tạo.

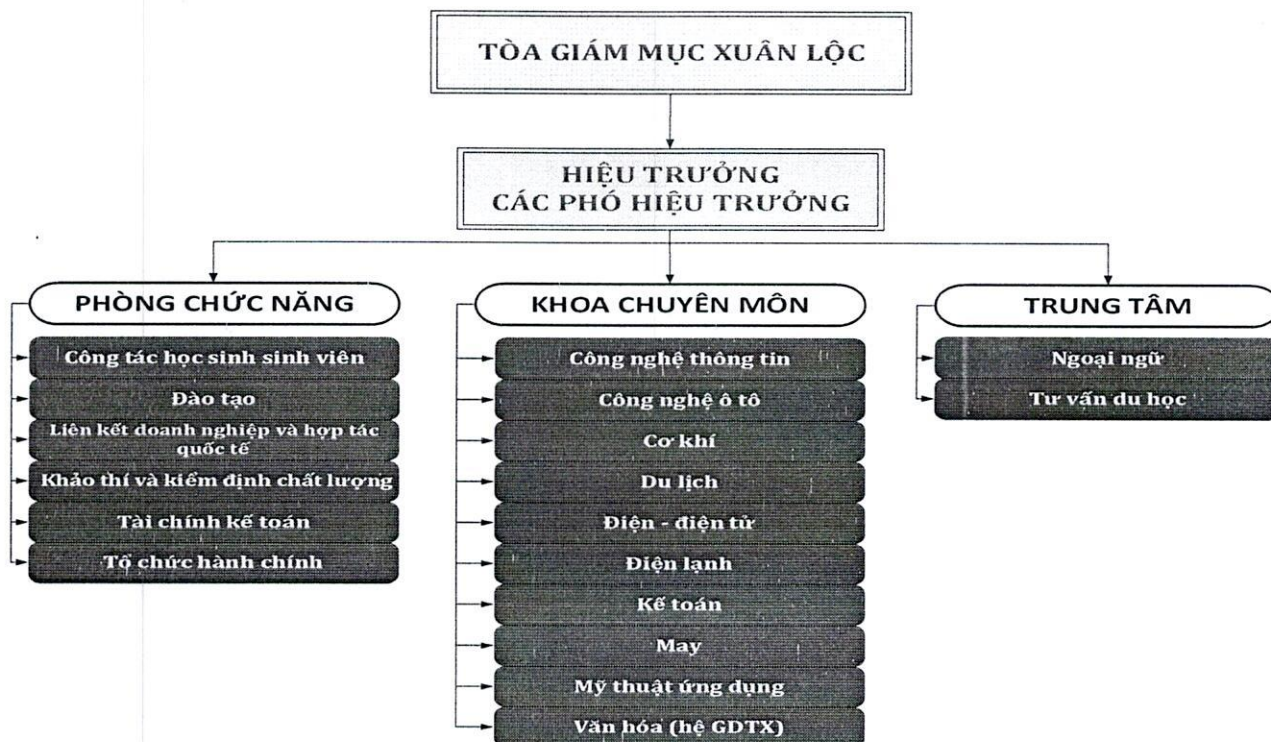
Năm 2019, trường đã được Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cho phép mở thêm 4 ngành đào tạo mới bậc Cao đẳng gồm: Cao đẳng Quản trị mạng máy tính, Cao đẳng Hàn, Cao đẳng Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh và Cao đẳng nghề Điện – Điện tử (*ngành mới*)

Năm 2024 trường đạt giấy chứng nhận tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Hiện tại, trường đang tiếp tục mở rộng phát triển lĩnh vực hợp tác quốc tế hướng tới nâng cao chất lượng cơ sở đào tạo.

Hơn 13 năm hình thành và phát triển Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc đã thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục và đào tạo được giao. Thực tế Trường luôn là điểm đến và là sự lựa chọn của nhiều học sinh khu vực trong tỉnh Đồng Nai, khu vực các tỉnh lân cận và trong cả nước. Với số lượng các lớp và số lượng sinh viên – học sinh trình độ Cao đẳng, trung cấp luôn được ổn định và phát triển bền vững.

III. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1. Sơ đồ tổ chức hành chính của Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc



2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường :

Các Đơn vị	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
1. Ban Giám hiệu	Linh mục Hà Đăng Định	1970	Thạc sĩ	Hiệu trưởng
	Nguyễn Văn Quang	1977	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng Đào tạo
	Nguyễn Hữu Tân	1984	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng Hành chính
2. Trưởng/Phó các phòng chức năng				
Phòng Đào Tạo	Đào Phương Tùng	1977	Thạc sĩ	Trưởng phòng
	Đỗ Anh Tuấn	1970	Cử nhân	Phó trưởng phòng
Phòng Tổ chức hành chính	Trần Thanh Tú	1984	Cử nhân	Trưởng phòng
Phòng Tài chính kế toán	Lù Kỳ Dinh	1989	Cử nhân	Trưởng phòng
Phòng Khảo thí & KDCL	Đặng Thành Hào	1982	Thạc sĩ	Trưởng phòng

Các Đơn vị	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
Phòng LKDNHTQT	Dương Cao Thanh	1988	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Công tác HSSV	Trần Công Đoán	1993	Cử nhân	Trưởng phòng
	Trần Quốc Đạt	1983		Phó trưởng phòng
3. Trưởng/Phó các khoa, trung tâm				
Khoa Công nghệ thông tin	Đặng Thành Hào	1982	Thạc sĩ	Trưởng Khoa
Khoa Điện lạnh	Nguyễn Đức Duy	1986	Thạc sĩ	Trưởng Khoa
Khoa Kế toán	Trần Trung Hiếu	1991	Thạc sĩ	Trưởng Khoa
Khoa Điện, điện tử	Đào Phương Tùng	1977	Thạc sĩ	Trưởng Khoa
	Nguyễn Đình Khiêm	1985	Kỹ sư	Phó Trưởng Khoa
	Nguyễn Khắc Huy	1985	Kỹ sư	Phó Trưởng Khoa
Khoa Cơ Khí	Tạ Minh Tám	1976	Kỹ sư	Trưởng Khoa
Khoa CN Ô Tô	Nguyễn Mạnh Hùng	1982	Thạc sĩ	Trưởng Khoa
Khoa May	Dương Cao Thanh	1988	Thạc sĩ	Trưởng Khoa
Khoa Mĩ thuật ứng dụng	Đặng Hoàng Xinh	1966	Cử nhân	Trưởng Khoa
	Vũ Minh Thọ	2000	Cử nhân	Phó Trưởng Khoa
Khoa Du Lịch	Nguyễn Xuân Khuê	1974	Thạc sĩ	Trưởng Khoa
Trung Tâm Ngoại ngữ	Nguyễn Duyên Cẩm Hà	1971	Cử nhân	Giám Đốc
Khoa Văn Hóa	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	1995	Thạc sĩ	Trưởng Khoa
	Nguyễn Trường Bảo	1995	Cử nhân	Phó Trưởng Khoa

Tổng số cán bộ, giảng viên, nhân viên của trường (tính đến thời điểm đánh giá): 83 người (Nam: 50, nữ: 33), nhân viên: 24

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1. Tổng số cán bộ, giảng viên, nhân viên trường	85	81	83
2. Tổng số giảng viên cơ hữu theo trình độ đào tạo	63	60	58
– Tiến sĩ	1	1	0
– Thạc sĩ	20	16	17
– Đại học	35	37	38
– Cao đẳng	7	6	3
– Trung cấp	0	0	0
– Khác	0	0	0
3. Tổng số giảng viên dạy được cả lý thuyết và thực hành trên tổng số giảng viên của trường.	63	60	25
4. Số giảng viên thỉnh giảng	130	135	158

IV. Ngành nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh các ngành theo các giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã được cấp:

– Giấy chứng nhận số 380/2017/GCNĐKHĐ – TCGDNN, ngày 10/11/2017 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

– Giấy chứng nhận số 380a/2017/GCNĐKHĐ – TCGDNN, ngày 05/04/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

1. Các ngành, nghề đào tạo

TT	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	
		Cao đẳng	Trung cấp
1	Thiết kế đồ họa	6210402	5210402
2	Máy thời trang	6540205	5540205
3	Quản trị khách sạn	6810201	5810201
4	Kế toán doanh nghiệp	6340302	5340302
5	Công nghệ ô tô	6510216	5510216
6	Điện công nghiệp	6520227	5520227
7	Điện tử công nghiệp	6520225	5520225
8	Hàn	6520123	5520123
9	Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh	6520255	5520255
10	Quản trị mạng máy tính	6480209	5480102

TT	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	
		Cao đẳng	Trung cấp
11	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí		5520205
12	Tin học văn phòng		5480203
13	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính		5480102
14	Nguội sửa chữa máy công cụ		5520126
15	Sửa chữa thiết bị may		5520133
16	Mộc xây dựng và trang trí nội thất		5580210
17	Gia công và thiết kế sản phẩm mộc		5210422
18	Hướng dẫn du lịch		5810103
19	Nghiệp vụ nhà hàng		5810206
20	Quản trị lễ hành		5810104

2. Quy mô đào tạo:

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Thiết kế đồ họa	6210402	25	Cao đẳng
2		5210402	30	Trung cấp
3	May thời trang	6540205	30	Cao đẳng
4		5540205	60	Trung cấp
5	Quản trị khách sạn	6810201	25	Cao đẳng
6		5810201	30	Trung cấp
7	Kế toán doanh nghiệp	6340302	25	Cao đẳng
8		5340302	30	Trung cấp
9	Công nghệ ô tô	6510216	25	Cao đẳng
10		5510216	50	Trung cấp
11	Điện công nghiệp	6520227	25	Cao đẳng
12		5520227	50	Trung cấp
13	Điện tử công nghiệp	6520225	35	Cao đẳng
14		5520225	50	Trung cấp
15	Hàn	6520123	35	Cao đẳng
16		5520123	30	Trung cấp
17	Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh	6520255	35	Cao đẳng
18		5520255	50	Trung cấp
19	Quản trị mạng máy tính	6480209	35	Cao đẳng
20		5480102	40	Trung cấp
21	KT máy lạnh và điều hòa không khí	5520205	50	Cao đẳng

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
22	Tin học văn phòng	5480203	50	Trung cấp
23	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	5480102	50	Trung cấp
24	Nguội sửa chữa máy công cụ	5520126	30	Trung cấp
25	Sửa chữa thiết bị may	5520133	50	Trung cấp
26	Mộc xây dựng và trang trí nội thất	5580210	30	Trung cấp
27	Gia công và thiết kế sản phẩm mộc	5210422	30	Trung cấp
28	Hướng dẫn du lịch	5810103	60	Trung cấp
29	Nghiệp vụ nhà hàng	5810206	50	Trung cấp
30	Quản trị lễ hành	5810104	50	Trung cấp

3. Tỷ lệ học sinh sinh viên (HSSV) quy đổi/giáo viên quy đổi:

Năm	Tổng số HSSV quy đổi	Tổng số Giảng viên quy đổi	Tỷ lệ HSSV/Giảng viên
Năm 2023	1246.2	30.23	41.00
Năm 2024	1315.4	30.34	43.36
Năm 2025	1334.4	72.70	18.35

V. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

1. Diện tích các hạng mục công trình:

- Tổng diện tích đất : 50.000 m², trong đó:
- + Diện tích xây dựng: 31.740 m²
- + Diện tích cây xanh, lưu không: >4.000 m²

TT	Hạng mục, công trình	Đã xây dựng		Đang xây dựng
		Số phòng	Diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)
1	Khu học lý thuyết	48	2.825	
1.1	Khu học lý thuyết A		700	
1.2	Khu học lý thuyết B		604.8	
1.3	Khu học lý thuyết C		1.120	
1.4	Khu học lý thuyết D		400	

TT	Hạng mục, công trình	Đã xây dựng		Đang xây dựng
		Số phòng	Diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)
1.5	Hội trường A, B và Dom NCT	3	2.040	
2	Phòng/Xưởng thực hành (P.TH)		4.755	
2.1	Xưởng thực hành khoa Mỹ Thuật Ứng Dụng	1	550	
2.2	Xưởng thực hành khoa Điện Lạnh	1	625	
2.3	Xưởng thực hành khoa Điện – Điện tử	1	625	
2.4	Xưởng thực hành khoa Cơ khí	1	900	
2.5	Xưởng thực hành khoa Công nghệ ô tô	1	900	
2.6	Xưởng thực hành khoa May	1	300	
2.7	Phòng trưng bày May	1	35	
2.8	Xưởng thực hành khoa Du lịch	1	245	
2.9	Phòng máy khoa Công nghệ thông tin		350	
2.10	Phòng máy dùng chung		225	
3	Khu hành chính, văn phòng	15	660	
4	Khu phục vụ		3.755	
4.1	Thư viện	1	205	
4.2	Y tế	1	100	
4.3	Khu thể dục, thể thao	1	3.450	
5	Hạng mục khác		19.745	
5.1	Công trình phụ khác		3.985	
5.2	Sân bãi, lối đi, cây xanh, hồ nước		15.760	

2. Tổng số đầu sách trong thư viện của trường: 3000 đầu sách báo, tài liệu.

– Tổng đầu sách thuộc nghề đào tạo của trường: 1350 quyển (270 đầu sách mỗi đầu sách 05 quyển).

– Tài liệu tham khảo chuyên ngành và các loại sách khác: 1650 quyển (727 đầu sách).

– Tài liệu điện tử: gồm 135 giáo trình các ngành của trường và 42 giáo trình tham khảo.

3. Tổng số máy tính của trường: 330 máy.

– Dùng cho văn phòng: 36

- Dành cho Học sinh học tập: 279
- Dành cho thư viện: 15

4. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường (2 năm trở lại đây):

(Trường chỉ có nguồn thu duy nhất từ nguồn học phí không có nguồn thu khác)

- Năm 2024: 23.034.342.457 đồng
- Năm 2025: 29.679.306.098 đồng

PHẦN II

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Đặt vấn đề

1.1. Sự cần thiết của hoạt động tự đánh giá chất lượng

Tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN là hoạt động có yêu cầu cao về tính khoa học, khách quan, công bằng, đồng thời bảo đảm tính thiết thực, chống hình thức, chống sự tùy tiện. Một trong những điều kiện, tiền đề không thể thiếu để đáp ứng các yêu cầu nói trên là hoạt động tự đánh giá chất lượng Nhà trường cần được dựa trên cơ sở pháp lý chặt chẽ. Điều đó có nghĩa là hoạt động tự đánh giá được tiến hành trên cơ sở pháp luật và theo các quy định của pháp luật.

Đối với bản thân các cơ sở đào tạo, tự đánh giá có vai trò như một động lực bên trong với sự hỗ trợ, khuyến khích từ bên ngoài giúp cơ sở đào tạo có điều kiện đánh giá lại mình một cách toàn diện, đầy đủ thông qua việc xem xét và xây dựng báo cáo tự đánh giá, nâng cao năng lực hoạt động của mình để tiến tới xây dựng một cơ sở đào tạo có chất lượng cao. Hay nói cách khác thông qua tự đánh giá, thương hiệu, uy tín của một cơ sở đào tạo sẽ được xã hội biết đến và thừa nhận.

Chất lượng GDNN đang là vấn đề thu hút được sự quan tâm của các nhà quản lý, các doanh nghiệp, của phụ huynh, cũng như người học và toàn xã hội. Đối với Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc tự đánh giá chất lượng GDNN có vai trò như là một động lực bên trong với sự hỗ trợ, khuyến khích từ bên ngoài, giúp cho Nhà trường có điều kiện đánh giá lại mình một cách toàn diện, đầy đủ để tiến tới xây dựng trường trở thành một cơ sở GDNN có chất lượng cao, thương hiệu và uy tín của Nhà trường được xã hội biết đến và công nhận.

Để đáp ứng được các yêu cầu trên, với mong muốn có sự nhìn nhận toàn diện các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng. Hàng năm nhà trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp không chỉ giúp đánh giá tổng thể thực trạng hoạt động của Nhà trường – cơ sở cho việc Trường được công nhận đạt chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, mà còn phát huy được tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với mục tiêu và sứ mạng của Nhà trường.

Báo cáo tự đánh giá này đã hoàn thành bởi công sức và trí tuệ của Ban Giám hiệu (Ban giám hiệu), Hội đồng Quản trị trường, các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký; tổng hợp góp ý, chỉnh sửa và bổ sung hoàn thiện nội dung báo cáo của cán bộ lãnh đạo và toàn thể cán bộ, giảng viên và người lao động trong đơn vị. Kết quả báo cáo tự đánh giá được công bố công khai trong hệ thống thông tin của Nhà trường, đồng thời gửi báo cáo đến Cục

Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên – Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công ty cổ phần kiểm định và tư vấn giáo dục Việt Nam.

1.2. Vai trò của hoạt động tự đánh giá chất lượng.

Thực hiện tốt và thường xuyên công tác kiểm định chất lượng sẽ tạo điều kiện cho Trường phát triển một cách vững chắc và khẳng định được vị thế của Nhà trường đối với cộng đồng xã hội. Thực hiện Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBOXH ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ LĐTBOXH về công tác kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc đã xây dựng kế hoạch tự kiểm định chất lượng của đơn vị. Đây là dịp Nhà trường tự đánh giá một cách toàn diện các hoạt động theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn thống nhất theo quy định ban hành. Từ kết quả tự đánh giá, BGH Nhà trường, cán bộ quản lý chức các phòng, khoa trong toàn Trường sẽ nhận thức đầy đủ và khách quan hơn về mức độ chất lượng của các hoạt động chuyên môn, cũng như các tồn tại để xây dựng kế hoạch và giải pháp khắc phục sớm nhất nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý các điều kiện đảm bảo chất lượng để phát triển Trường theo hướng bền vững.

Hoạt động tự đánh giá chất lượng GDNN là một hoạt động có vai trò và ý nghĩa to lớn đối với xã hội. Cụ thể hơn, đánh giá chất lượng GDNN có vai trò quan trọng trên các phương diện sau:

– Đối với xã hội, tự đánh giá chất lượng GDNN là sự bảo đảm trước xã hội về chất lượng sản phẩm của cơ sở GDNN, là cơ sở cho việc tuyển dụng, xem xét tư cách hành nghề của người học. Thông qua hoạt động tự đánh giá, Nhà trường sẽ chủ động và có ý thức trong việc không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao hiệu quả đầu tư cho đào tạo nghề.

– Đối với người học, bảo đảm chất lượng (BĐCL) GDNN là mục đích cung cấp các dịch vụ cho người học nhằm đáp ứng những yêu cầu, đòi hỏi và phát huy các khả năng tiềm tàng của người học đối với các chương trình đào tạo. Vì thế, đánh giá chất lượng GDNN sẽ bảo đảm độ tin cậy đối với trường hay một chương trình đào tạo mà người học đang theo học. Từ đó người học có thể yên tâm vì nhu cầu học tập được đáp ứng một cách tốt nhất. Điều quan trọng nữa là nếu được học tập ở những cơ sở GDNN có uy tín và những chương trình đào tạo phù hợp đã được khẳng định qua BĐCL GDNN thì người học sẽ dễ tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm khi ra trường.

– Đối với trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc, tự đánh giá chất lượng CSGDNN như là một động lực bên trong với sự hỗ trợ, khuyến khích từ bên ngoài, giúp cho cơ sở GDNN có điều kiện đánh giá lại mình một cách toàn diện, đầy đủ để tiến tới xây dựng trường trở thành một cơ sở GDNN có chất lượng cao, có thương hiệu và uy tín, được xã hội biết đến và thừa nhận.

– Đối với cơ quan quản lý các cấp, BĐCL GDNN được coi là một công cụ đánh giá một cách khách quan về cơ sở GDNN, phát hiện những nhân tố mới trong số các cơ sở GDNN đã thực

hiện tốt các giải pháp cải tiến, tự hoàn thiện để nâng cao chất lượng đào tạo sẽ thúc đẩy các cơ sở GDNN khác cải tiến nâng cao chất lượng.

– Đối với người sử dụng lao động, HSSV tốt nghiệp từ các cơ sở GDNN hoặc chương trình đào tạo đã được KĐCL giúp họ yên tâm hơn về chất lượng đào tạo.

– Đối với Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc, hoạt động tự đánh giá chất lượng GDNN không nằm ngoài những vấn đề chung về chất lượng và quản lý chất lượng. Từ kết quả tự đánh giá, lãnh đạo Nhà trường cùng toàn thể Cán bộ, giảng viên và người lao động sẽ nhận thức đầy đủ và khách quan hơn về mức độ đáp ứng chất lượng các hoạt động của trường, cũng như các hạn chế, tồn tại để xây dựng kế hoạch và giải pháp khắc phục sớm nhất nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý, các điều kiện đảm bảo chất lượng GDNN để nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề, yêu cầu của thị trường lao động.

2. Tổng quan chung:

2.1. Căn cứ tự đánh giá:

– Thông tư số 28/2017/TT – BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Quy định về hệ thống BĐCL của cơ sở GDNN;

– Thông tư số 14/2024/TT – BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL GDNN;

2.2. Mục đích tự đánh giá:

Đánh giá một cách nghiêm túc, toàn diện năng lực của cơ sở GDNN. Từ đó xác định được những điểm mạnh, điểm yếu và xây dựng nên kế hoạch hành động sát với thực lực của trường, để đầu tư nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, đầu tư xây dựng công trình, mua sắm trang thiết bị đáp ứng nhu cầu và nhiệm vụ đào tạo.

Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chất lượng, các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy nghề của nhà trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng, qua đó huy động toàn bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường cùng thực hiện công tác tự kiểm định.

Làm rõ quy mô, chất lượng, hiệu quả của hoạt động đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế, quản lý tài chính.

Xác định mức độ đạt được của Nhà trường thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí KĐCL của Nhà trường.

Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL đã đạt được. Phát hiện các điểm không phù hợp và đề ra kế hoạch cần cải thiện trong những khoảng thời gian nhất định, qua đó giúp Nhà trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai

đoạn tiến tới xây dựng Trường trở thành cơ sở dạy nghề đạt chất lượng cao, có thương hiệu và uy tín được xã hội biết đến và công nhận.

Nâng cao nhận thức của CBNG, HSSV về tầm quan trọng của công tác tự KĐCL GDNN của Trường, qua đó huy động tất cả các đơn vị trong trường tham gia.

Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng gắn với chức năng nhiệm vụ của đơn vị để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn và các chỉ số tự đánh giá chất lượng GDNN của trường.

Phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện trong thời gian ngắn, trung, dài hạn và qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường trở thành đơn vị dạy nghề đạt chất lượng cao, thương hiệu và uy tín của Nhà trường được xã hội biết đến và thừa nhận.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá:

Sử dụng bộ tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL trường cao đẳng ban hành theo Thông tư số 14/2024/TT – BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra phải dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy, phù hợp với nội hàm tiêu chuẩn.

Thể hiện sự bình đẳng, khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự kiểm định. Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả thành viên trong trường.

Từng tiêu chí, tiêu chuẩn được phân tích cụ thể, rõ ràng. Kế hoạch khắc phục các tồn tại phải phù hợp, khả thi.

Đảm bảo đúng thời gian theo kế hoạch.

2.4. Phương pháp tự đánh giá:

- Nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn, hướng dẫn KĐCL kèm theo Thông tư số 14/2024/TT – BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, các tài liệu, hồ sơ minh chứng kèm theo.
- Thu thập thông tin, rà soát các hoạt động của trường và những chứng cứ trong quá trình hoạt động để chứng minh.
- Phân tích, đánh giá thực trạng của Trường thông qua các minh chứng thu được.
- Nhận xét điểm mạnh để phát huy và xác định những vấn đề cần cải tiến và đề ra những biện pháp để cải tiến những vấn đề đó.
- Khảo sát thực tế, lấy ý kiến các đơn vị, CBQL, giảng viên, HSSV và người sử dụng lao động.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá:

Thực hiện theo Thông tư số 28/2017/TT – BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội:

- Xác định mục đích, yêu cầu và phương pháp tự đánh giá.
- Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký, Tổ giúp việc Hội đồng và các đơn vị phụ trách.
- Lập kế hoạch tự đánh giá. Hội đồng tự đánh giá xây dựng kế hoạch tự đánh giá nhằm sử dụng có hiệu quả thời gian và các nguồn lực của trường để đảm bảo đạt được mục đích của đợt tự đánh giá.
- Thu thập thông tin và minh chứng.
- Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được.
- Đánh giá mức độ mà trường đã đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL dạy nghề.
- Viết báo cáo tự đánh giá.
- Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.
- Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn trường.

Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá..

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

Mẫu 3.1. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

TT	TIÊU CHÍ – TIÊU CHUẨN	ĐIỂM CHUẨN (1)	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp 2025
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC	100	ĐẠT
	Tổng điểm	100	94/100 =94%
1	Tiêu chí 1: Sứ mạng, mục tiêu, tổ chức và quản lý	10	10/10=100%
1.1	<i>Tiêu chuẩn 1.1: Sứ mạng, mục tiêu của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển của trường, phù hợp với yêu cầu nhân lực trong các chiến lược phát triển ngành/chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương và được công bố công khai</i>	2	2
1.2	<i>Tiêu chuẩn 1.2: Trường có quy chế về tổ chức và hoạt động, trong đó có phân công rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, cơ cấu ngành, nghề, quy mô đào tạo của trường</i>	2	2
1.3	<i>Tiêu chuẩn 1.3: Trường đã xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng</i>	2	2

TT	TIÊU CHÍ – TIÊU CHUẨN	ĐIỂM CHUẨN (1)	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp 2025
1.4	<i>Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, hệ thống bảo đảm chất lượng của trường được đánh giá và có biện pháp cải tiến nhằm tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý</i>	2	2
1.5	<i>Tiêu chuẩn 1.5: Hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường (đảng ủy, ban giám hiệu đối với các trường thuộc lực lượng vũ trang), tổ chức đảng, đoàn thể và các hội đồng tư vấn khác được thành lập theo quy định; thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của trường.</i>	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	16	14/16=88%
2.1	<i>Tiêu chuẩn 2.1: Quy chế tuyển sinh và các kế hoạch, chính sách tuyển sinh được xây dựng, triển khai phù hợp chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo của trường</i>	2	2
2.2	<i>Tiêu chuẩn 2.2: Trường tuyển sinh theo kế hoạch bảo đảm công bằng, khách quan và theo hướng nâng cao chất lượng đầu vào. Công tác tuyển sinh được kiểm tra, giám sát và cải tiến, bảo đảm tính phù hợp, hiệu quả</i>	2	2
2.3	<i>Tiêu chuẩn 2.3: Trường xây dựng, ban hành quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp. Hình thức, phương thức, phương pháp đào tạo đa dạng, phù hợp với mục tiêu, nội dung của từng chương trình đào tạo</i>	2	2
2.4	<i>Tiêu chuẩn 2.4: Trường xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo cho từng lớp, khóa học, học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến mô-đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với hình thức đào tạo để người học đáp ứng chuẩn đầu ra.</i>	2	2
2.5	<i>Tiêu chuẩn 2.5: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động hoặc các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập.</i>	2	2
2.6	<i>Tiêu chuẩn 2.6: Trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo, bao gồm cả hình thức đào tạo từ xa (nếu có)</i>	2	0
2.7	<i>Tiêu chuẩn 2.7: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy, học theo đúng kế hoạch. Thực hiện biện pháp điều chỉnh kịp thời các hoạt động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo</i>	2	2

TT	TIÊU CHÍ – TIÊU CHUẨN	ĐIỂM CHUẨN (1)	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp 2025
2.8	<i>Tiêu chuẩn 2.8: Các hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học được thiết kế phù hợp; được rà soát, đánh giá, cải tiến để bảo đảm độ chính xác, công bằng, khách quan và định hướng người học đạt chuẩn đầu ra</i>	2	2
3.	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động	14	14/14=100%
3.1	<i>Tiêu chuẩn 3.1: Quy trình tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý của trường được ban hành và đưa vào áp dụng; hằng năm được rà soát, đánh giá để cải tiến.</i>	2	2
3.2	<i>Tiêu chuẩn 3.2: Trường thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.</i>	2	2
3.3	<i>Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác, bảo đảm về số lượng, cơ cấu ngành, nghề đáp ứng yêu cầu đào tạo của trường</i>	2	2
3.4	<i>Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo và thực hiện các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.</i>	2	2
3.5	<i>Tiêu chuẩn 3.5: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy</i>	2	2
3.6	<i>Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của ngành, nghề đào tạo</i>	2	2
3.7	<i>Tiêu chuẩn 3.7: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đáp ứng các tiêu chuẩn và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao. Đội ngũ viên chức, người lao động đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động định kỳ được bồi dưỡng, cập nhật nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.</i>	2	2
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	14	14/14=100%
4.1	<i>Tiêu chuẩn 4.1: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo. Quá trình xây dựng và</i>	2	2

TT	TIÊU CHÍ – TIÊU CHUẨN	ĐIỂM CHUẨN (1)	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp 2025
	<i>thẩm định chương trình đào tạo có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan</i>		
4.2	<i>Tiêu chuẩn 4.2: Trường ban hành đầy đủ các chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo mà trường được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp</i>	2	2
4.3	<i>Tiêu chuẩn 4.3: Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo và được công bố công khai.</i>	2	2
4.4	<i>Tiêu chuẩn 4.4: Các chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của ngành, địa phương.</i>	2	2
4.5	<i>Tiêu chuẩn 4.5: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định giáo trình đào tạo có sự tham gia của chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm của ngành, nghề đào tạo và các bên liên quan</i>	2	2
4.6	<i>Tiêu chuẩn 4.6: Trường ban hành đầy đủ giáo trình các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. Các giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo và phù hợp với phương pháp dạy học</i>	2	2
4.7	<i>Tiêu chuẩn 4.7: Các giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự thay đổi của chương trình đào tạo.</i>	2	2
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo	16	14/16=88%
5.1	<i>Tiêu chuẩn 5.1: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ quản lý thiết bị, xưởng thực hành, phòng học, các phòng công năng khác đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ người học và các hoạt động khác của trường.</i>	2	2
5.2	<i>Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể các khuôn viên của trường phù hợp với công năng, bền vững về môi trường. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường theo quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành, đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt.</i>	2	2

TT	TIÊU CHÍ – TIÊU CHUẨN	ĐIỂM CHUẨN (1)	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp 2025
5.3	<i>Tiêu chuẩn 5.3: Khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành, khu rèn luyện thể chất, khu phục vụ và các hạng mục khác phục vụ sinh hoạt cho người học, nhà giáo có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo, bảo đảm các yêu cầu công nghệ và bảo vệ môi trường</i>	2	2
5.4	<i>Tiêu chuẩn 5.4: Các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp được trường xác định và triển khai, bao gồm cả các nhu cầu, các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật (nếu có) và không phân biệt đối xử về giới.</i>	2	2
5.5	<i>Tiêu chuẩn 5.5: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo và được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe, vệ sinh môi trường.</i>	2	0
5.6	<i>Tiêu chuẩn 5.6: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí hợp lý, đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.</i>	2	2
5.7	<i>Tiêu chuẩn 5.7: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc điện tử; phòng đọc của cán bộ, nhà giáo; phòng đọc của người học; kho sách bảo đảm tiêu chuẩn thiết kế và định mức diện tích sử dụng.</i>	2	2
5.8	<i>Tiêu chuẩn 5.8: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp, được cập nhật, áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học.</i>	2	2
6	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.	8	8/8=100%
6.1	<i>Tiêu chuẩn 6.1: Trường ban hành quy định và thực hiện chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và phục vụ cộng đồng.</i>	2	2
6.2	<i>Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên, được ứng dụng, phục vụ trực tiếp công tác đào tạo của trường và phục vụ cộng đồng</i>	2	2

TT	TIÊU CHÍ – TIÊU CHUẨN	ĐIỂM CHUẨN (1)	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp 2025
6.3	<i>Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các tạp chí chuyên ngành hoặc ấn phẩm tương đương.</i>	2	2
6.4	<i>Tiêu chuẩn 6.4: Có hoạt động hợp tác với các trường hoặc các tổ chức, cá nhân nước ngoài góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.</i>	2	2
7	Tiêu chí 7: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	10	8/10=80%
7.1	<i>Tiêu chuẩn 7.1: Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo và việc tổ chức thực hiện quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ và công khai..</i>	2	2
7.2	<i>Tiêu chuẩn 7.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, bảo đảm quyền lợi của người học, tạo điều kiện cho người học thuộc đối tượng chính sách có cơ hội tiếp cận học nghề, lập nghiệp. Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.</i>	2	2
7.3	<i>Tiêu chuẩn 7.3: Trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện; hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.</i>	2	2
7.4	<i>Tiêu chuẩn 7.4: Người học được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nghiên cứu khoa học và các hoạt động xã hội khác để phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.</i>	2	2
7.5	<i>Tiêu chuẩn 7.5: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát, quản lý người học được định kỳ rà soát và cải tiến để đáp ứng nhu cầu của người học và các bên liên quan.</i>	2	0
8	Tiêu chí 8: Giám sát, đánh giá chất lượng	12	12/12=100%
8.1	<i>Tiêu chuẩn 8.1: Tỷ lệ tốt nghiệp của người học và tỷ lệ bỏ học được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến.</i>	2	2
8.2	<i>Tiêu chuẩn 8.2: Trường triển khai hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng</i>	2	2

TT	TIÊU CHÍ – TIÊU CHUẨN	ĐIỂM CHUẨN (1)	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp 2025
	<i>làm cơ sở để đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của trường.</i>		
8.3	<i>Tiêu chuẩn 8.3: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.</i>	2	2
8.4	<i>Tiêu chuẩn 8.4: Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức đào tạo, về chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.</i>	2	2
8.5	<i>Tiêu chuẩn 8.5: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng, có kế hoạch thực hiện kiểm định chất lượng trường; có kế hoạch và biện pháp để thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài (nếu có)</i>	2	2
8.6	<i>Tiêu chuẩn 8.6: Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.</i>	2	2

PHẦN III

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GDNN

Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính gắn với việc kiện toàn các đơn vị trực thuộc theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Thường xuyên cập nhật, cụ thể các quy định của pháp luật vào các văn bản tổ chức và quản lý của trường.

Tiếp tục triển khai công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực tin học, ngoại ngữ; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; bồi dưỡng kỹ năng nghề cho giảng viên; bồi dưỡng cập nhật công nghệ mới trong từng lĩnh vực giảng dạy cụ thể; bồi dưỡng cập nhật, nâng cao nhận thức, lý luận chính trị cho cán bộ, giảng viên, nhân viên.

Giai đoạn tiếp theo, Nhà trường tiếp tục tăng cường tuyên truyền tuyển sinh, khảo sát nhu cầu liên thông lên trình độ cao đẳng, đại học; phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài Tỉnh Đồng Nai để thực hiện đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp, cao đẳng lên đại học nhằm đảm bảo quyền lợi, tăng cơ hội học tập và nghiên cứu ở bậc cao hơn cho người học.

Chi tiết hóa để kiểm soát đầy đủ thông tin về cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo trong kế hoạch hiệu chỉnh chương trình đào tạo hàng năm.

Đổi mới phương pháp đào tạo theo hướng đáp ứng mối quan hệ "Dạy nghề – Khởi nghiệp – Việc làm", hiệu chỉnh chương trình đào tạo theo mô đun/tín chỉ, áp dụng phương pháp đào tạo, ứng dụng số hóa vào công tác quản lý và giảng dạy. Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học.

Tổ chức nghiêm túc, đầy đủ, hiệu quả việc khảo sát giáo trình đối với các đối tượng khảo sát; rà soát điều chỉnh mẫu khảo sát toàn diện hơn về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo hàng năm của Nhà trường. Tiếp tục phối hợp, đôn đốc các khoa chuyên môn nghiêm túc rà soát, đề xuất bổ sung, xây dựng tài liệu, bài giảng phục vụ công tác đào tạo trong Nhà trường.

Tiếp tục rà soát, bổ sung cơ sở, vật chất, trang thiết bị từng ngành đào tạo. Tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng thực hành, thực tập, ký túc xá, các công trình phụ trợ phục vụ cho công tác giảng dạy, NCKH và chuyển giao công nghệ, hoạt động ngoại khóa có chất lượng đảm bảo theo yêu cầu của Luật GDNN. Tiếp tục đầu tư trang thiết bị tương đối hoàn chỉnh cho các ngành, nghề trọng điểm đáp ứng các tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo tiêu chí trường chất lượng cao.

Đầu tư để hoàn thiện hệ thống quy hoạch tổng thể, hệ thống cơ sở hạ tầng, khu ký túc xá, hệ thống công nghệ thông tin theo quy định đối với cơ sở GDNN để đảm bảo đáp ứng các hoạt động của Trường.

Đầu tư bổ sung nâng cấp hệ thống thư viện, thư viện điện tử: tăng số đầu sách, số hóa tài liệu; nâng cấp hệ thống máy tính truy cập, hoàn thiện thư viện điện tử đáp ứng tiêu chuẩn thư viện trường chất lượng cao.

Thường xuyên cập nhật các chính sách, chế độ mới về tài chính, kế toán; đảm bảo tính tuân thủ trong việc đề ra chính sách quản lý tài chính nội bộ cũng như quá trình thực hiện các hoạt động thu, chi. Thường xuyên cập nhật chỉ tiêu tuyển sinh HSSV hàng năm để có những điều chỉnh sát với thực tế. Định kì phân tích, đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động thu chi để rút kinh nghiệm cho kì tiếp theo. Thường xuyên học tập bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho nhân lực trực tiếp thực hiện công tác quản lý tài chính, giỏi một việc biết làm nhiều việc. Thường xuyên cân đối nguồn tài chính nhằm đảm bảo kinh phí cho vật tư thực hành, sửa chữa, thay thế trang thiết bị, dụng cụ,... theo dự trù của các đơn vị trong trường sử dụng.

Nâng cao tỷ trọng kinh phí dùng cho các hoạt động NCKH nhằm thúc đẩy hoạt động NCKH trong nhà giáo, sinh viên thiết thực hơn. Khuyến khích động viên các nhà giáo, đội ngũ cán bộ, nhân viên ngoài nhiệm vụ giảng dạy, công tác còn phải quan tâm đến nhiệm vụ NCKH. Xây dựng kế hoạch cụ thể trong từng năm cho các Khoa, Bộ môn và các đơn vị phòng ban chuyên môn để giao nhiệm vụ cho các đơn vị trong công tác NCKH, sáng kiến kinh nghiệm. Tuyên truyền, đề nghị nâng cao mức thanh toán cho các chuyên đề NCKH, có chính sách khuyến khích hợp lý các nhà giáo và nhân viên tham gia NCKH, sáng kiến kinh nghiệm và chuyển giao công nghệ.

Nâng cao trình độ năng lực ngoại ngữ cho CBQL, giáo viên và nhân viên Nhà trường, để xây dựng được các đề tài có chất lượng gửi đăng trên tạp chí khoa học trong nước và quốc tế. Xây dựng nhiều đề tài khoa học, sáng kiến cải tiến có tính ứng dụng cao hơn nữa trong công tác quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo.

Tích cực tìm kiếm thiết lập mối quan hệ và mở rộng hợp tác với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới để hội nhập chương trình và giáo trình đào tạo. Tạo điều kiện nâng cao trình độ tay nghề và tạo cơ hội việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp.

Tiếp tục tăng cường công tác quản lý, giám sát HSSV trong quá trình học tập; Thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường; Thành lập các câu lạc bộ tạo điều kiện cho HSSV tham gia hoạt động ngoại khóa cũng như bồi dưỡng kỹ năng mềm cho HSSV; Phối hợp giữa chính quyền, Hội LHTN VN trường, Phòng công tác HSSV và các đoàn thể tổ chức tốt các phong trào trong HSSV; phát huy tối đa công năng sử dụng cơ sở vật chất vào các hoạt động dịch vụ phục vụ cho HSSV; tạo điều kiện về chỗ ăn, ở, học tập, NCKH; xã hội hóa các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, giúp giảm các chi phí sinh hoạt đến mức thấp nhất cho HSSV trong quá trình học tập tại trường.

Tăng cường triển khai nội dung tư vấn, giới thiệu việc làm thông qua tổ chức các hội nghị, hội chợ giới thiệu việc làm trong Nhà trường và ở địa phương trước khi người học tốt nghiệp.

Tăng cường hoạt động của đơn vị chuyên trách trong việc thu thập dữ liệu về hoạt động

tự đánh giá, kiểm định chất lượng. Thường xuyên cập nhật công khai lên trang website của Nhà trường thông tin cơ sở dữ liệu các điều kiện đảm bảo chất lượng liên quan công việc của các đơn vị trực thuộc trong trường và thông tin đối với xã hội.

PHẦN IV ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên – Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Tăng cường mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ làm công tác bảo đảm chất lượng để nâng cao năng lực và kinh nghiệm.
- Rà soát, chỉnh sửa lại nội dung và hướng dẫn đánh giá của một số tiêu chuẩn để việc kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp sát với thực tiễn hơn.
- Cần có các cơ chế, chính sách hỗ trợ hoặc tăng cường nguồn lực về cơ sở vật chất, thiết bị và kinh phí về hoạt động đánh giá ngoài cho những cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng.


2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai

- Tham mưu với ban, ngành và các đơn vị chức năng quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc trong các hoạt động liên quan đến lĩnh vực GDNN để trường có thể phát triển nhanh hơn và bền vững hơn./.

Nơi nhận:

- Cục GDNN&GDTX Bộ GD&ĐT;
- SGDDT ĐN (Để báo cáo);
- Các đơn vị trong Trường;
- Website nhà trường;
- Lưu: VT; KT&KĐCL

HIỆU TRƯỞNG



Linh mục HÀ ĐĂNG ĐỊNH